

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN T
TỈNH THANH HOÁ**

Bản án số: 66/2022/HSST
Ngày: 16 - 11 - 2022

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN T, TỈNH THANH HOÁ**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông Lê Văn Quân

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Bùi Văn Hòa

2. Bà Quách Thị Tình

- Thư ký phiên toà: Bà Nguyễn Thị Thắm - Thư ký Toà án, Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Thanh Hoá.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện T tham gia phiên toà: Bà Lê Thị Nguyệt - Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 11 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Thanh Hoá xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 63/2022/HSST, ngày 18 tháng 10 năm 2022 đối với bị cáo:

Trịnh Văn T; Tên gọi khác: Không; Giới tính: Nam; Sinh ngày: 17/12/1987, tại thị trấn K, huyện T, tỉnh Thanh Hóa; Nơi cư trú: Khu phố 2 TS, thị trấn K, huyện T, Thanh Hóa; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Mường; Tôn giáo: không; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ học vấn : 9/12; Bố: Trịnh Xuân N (đã chết); Mẹ: Nguyễn Thị M - Sinh năm 1960; Vợ: Nguyễn Thị T1; Bị cáo có 03 con, lớn sinh năm 2009; nhỏ sinh năm 2018; Tiền án, tiền sự : Không; Nhân thân: Ngày 28/7/2016, bị Công an xã TK, huyện T ra Quyết định xử phạt vi phạm hành chính về hành vi Trộm cắp tài sản; Ngày 13/10/2016, bị Công an xã TK, huyện T ra Quyết định xử phạt vi phạm hành chính về hành vi sử dụng trái phép chất ma túy; Ngày 20/10/2016, bị Chủ tịch UBND xã TK, huyện T ra Quyết định áp dụng biện pháp giáo dục tại xã theo Nghị định 111/2013/NĐ-CP; Ngày 28/02/2017 bị TAND huyện T, Thanh Hóa xử phạt 09 tháng tù giam về tội “Trộm cắp tài sản” theo bản án số 08/2017/HSST; Bị cáo bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 26/8/2022 cho đến nay. Hiện bị cáo đang bị tạm giam tại Nhà tạm giữ Công an huyện T.

- Người bị hại: Ông Trần Đức S; sinh năm 1977;

Địa chỉ: Khu phố 2 TS, thị trấn K, huyện T; (Vắng mặt).

- Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:

Bà Nguyễn Thị M, sinh năm: 1960 (Vắng mặt)

Địa chỉ: Khu phố 2 TS, thị trấn K, huyện T, tỉnh Thanh Hóa.

- Người làm chứng:

1. Ông Nguyễn Văn C, sinh năm: 1985 (Có mặt)

Địa chỉ: Thôn Y, xã TB, huyện T, tỉnh Thanh Hóa.

2. Ông Đỗ Văn H, sinh năm: 1981 (Vắng mặt)

Địa chỉ: Khu phố 4, thị trấn K, huyện T, tỉnh Thanh Hóa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Qua các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và quá trình xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau: Vào khoảng 12 giờ 30 phút, ngày 26/8/2022, Trịnh Văn T – sinh năm 1987, trú tại Khu phố 2 TS, thị trấn K, huyện T, tỉnh Thanh Hóa đang ở nhà mình thì thấy có 01 (một) con chó giống cái, màu lông đen – vàng của gia đình ông Trần Đức S – sinh năm 1977 (là hàng xóm của gia đình T) chạy từ ngoài đường vào trong sân nhà mình. T nảy sinh ý định trộm cắp con chó này bán lấy tiền tiêu sài. Lúc này, T chạy lại chỗ hông nhà lấy một đoạn gậy bằng gỗ rồi tiến lại gần chỗ con chó. T dùng đoạn gậy gỗ trên đập một cái trúng vào đầu con chó, làm con chó bất tỉnh nằm yên tại sân nhà rồi lấy 03 (ba) đoạn dây cao su màu đen buộc miệng và chân con chó lại, bỏ vào một chiếc bì sặc rằn màu trắng có sẵn ở trong nhà. Sau đó, T buộc con chó vào chiếc xe đạp của bà Nguyễn Thị M – sinh năm 1960 (là mẹ đẻ của T) đang dựng sẵn ở nhà chờ đi bán tại khu vực thị trấn K nhưng không bán được. Trịnh Văn T chở con chó đến nhà Đỗ Văn H – sinh năm 1981, trú tại khu phố 4, thị trấn K, huyện T thì gặp H và Nguyễn Văn C – sinh năm 1985, trú tại Thôn Y, xã TB, huyện T. T nhờ H và C cùng mình đi bán con chó nói trên. Đỗ Văn H và Nguyễn Văn C có hỏi về nguồn gốc con chó thì T nói là chó nhà T nên H và C đồng ý. C sử dụng xe mô tô chở T, H và con chó trộm cắp được lên khu vực xã Thạch Bình, huyện T. Tại đây, C và H hỏi lại T về nguồn gốc con chó thì T trả lời là chó trộm cắp được của nhà hàng xóm. C và H biết con chó trên là tài sản do T phạm tội mà có nên đã động viên T quay về và đến Công an đầu thú. Sau đó, T đã mang con chó trộm cắp được đến Công an huyện T để đầu thú. (BL: 58-60; 62-69; 88-92; 93-96)

Kết luận định giá tài sản số 17/KL-HĐĐGTS ngày 31/8/2022 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự huyện T kết luận: (01) một con chó cái, màu lông vàng – đen, không rõ chủng loại, cân nặng 31,8kg tại thời điểm bị chiếm đoạt trị giá 2.544.000 đồng (Hai triệu năm trăm bốn bốn nghìn đồng).

Kết quả điều tra, xác minh Trịnh Văn T hiện tại không có tài sản và thu nhập.

Đối với Nguyễn Văn C và Đỗ Văn H đã cùng Trịnh Văn T đi bán con chó. Tuy nhiên khi biết được nguồn gốc con chó là do T trộm cắp mà có thì H và C đã khuyên T quay về và đến Công an đầu thú nên Cơ quan điều tra không xử lý đối với Nguyễn Văn C và Đỗ Văn H là phù hợp với quy định của pháp luật.

Đối với 01 (một) đoạn dây gỗ T dùng để đập chết con chó, quá trình điều tra T khai đã ném đoạn dây gỗ trên tại sân vườn nhà ở của Trịnh Văn T. Ngày 28/8/2022 Cơ quan điều tra đã tổ chức truy tìm vật chứng nhưng không thấy nên không thu giữ được.

Về vật chứng của vụ án : Quá trình điều tra Cơ quan điều tra đã thu giữ những đồ vật sau: 01 (một) con chó cái, màu lông vàng - đen, không rõ chủng loại, cân nặng 31,8kg; 01 (một) bì sắc rắn màu đỏ - trắng, cũ, đã qua sử dụng, trên bao bì có in chữ “JOLIE 1”; 03 (ba) đoạn dây cao su màu đen, kích thước dài lần lượt là 41cm, 53cm, 58cm; 01 (một) chiếc xe đạp Việt Nhật dán tem “AMIDA” màu xanh da trời, có giỏ, xe cũ, đã qua sử dụng;

Cơ quan điều tra đã xử lý như sau: Trả lại cho anh Trần Đức S là chủ sở hữu hợp pháp: 01 (một) con chó cái, màu lông vàng - đen, không rõ chủng loại, cân nặng 31,8kg đã chết;

Đối với 01 (một) chiếc xe đạp Việt Nhật dán tem “AMIDA” màu xanh da trời, có giỏ, xe cũ, đã qua sử dụng là tài sản của bà Nguyễn Thị M nên Cơ quan điều tra đã trả lại cho bà M là phù hợp với quy định của pháp luật.

Hiện cơ quan điều tra đang tạm giữ chờ xử lý những đồ vật sau : 01 (một) bì sắc rắn màu đỏ - trắng, cũ, đã qua sử dụng, trên bao bì có in chữ “JOLIE 1”; 03 (ba) đoạn dây cao su màu đen, kích thước dài lần lượt là 41cm, 53cm, 58cm.

Về trách nhiệm dân sự: Quá trình điều tra người bị hại là ông Trần Đức S đã nhận lại được con chó và không yêu cầu bị cáo bồi thường gì thêm nên không xem xét.

Tại bản cáo trạng số 66/CT-VKSTT, ngày 18/10/2022, Viện Kiểm sát nhân dân huyện T, tỉnh Thanh Hoá đã truy tố Trịnh Văn T về tội “Trộm cắp tài sản” theo khoản 1 Điều 173 Bộ Luật hình sự (Sau đây được viết tắt là BLHS).

* Phần tranh tụng tại phiên tòa: Tại phiên tòa, đại diện Viện Kiểm sát nhân dân giữ nguyên quyết định truy tố và đề nghị áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm s khoản 1; khoản 2 Điều 51; Điều 38 BLHS xử phạt Trịnh Văn T từ 07 đến 10 tháng tù.

Về trách nhiệm dân sự: Người bị hại đã nhận lại tài sản và không yêu cầu bị cáo phải bồi thường, đại diện Viện kiểm sát đề nghị không xem xét.

Về xử lý vật chứng: 01 (một) chiếc bì sắc rắn màu đỏ-trắng cũ đã qua sử dụng trên bao bì có in chữ JOLIE1; 03 (ba) đoạn dây cao su màu đen, kích thước dài lần lượt là 41cm, 53cm, 58cm là vật dùng vào việc phạm tội không còn giá trị sử dụng cần tiêu hủy.

Phần tranh tụng tại phiên tòa, bị cáo thống nhất với bản cáo trạng truy tố, không có ý kiến tranh luận, thống nhất với lời luận tội của Viện kiểm sát. Trong lời sau cùng, bị cáo thừa nhận hành vi phạm tội và đề nghị Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện T, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện T, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự (sau đây viết tắt là BLTTHS). Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về trách nhiệm hình sự: Tại phiên tòa bị cáo đã thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như Cáo trạng mà đại diện VKS đã truy tố. Tài sản mà bị cáo trộm cắp là 01 con chó màu lông vàng –đen, cân nặng 31,8kg có giá trị 2.544.000 đồng của ông Trần Đức S, trú tại: khu phố 2 Tân Sơn, Thị trấn K cùng địa chỉ với bị cáo, nên HĐXX có đủ cơ sở xác định bị cáo đã có hành vi phạm vào khoản 1 Điều 173 BLHS.

[3] Về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Bị cáo phạm tội không có tình tiết tăng nặng. Bị cáo có hai tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự là: “Thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải” và “Đầu thú”. Đây là các tình tiết giảm nhẹ được quy định tại các điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 BLHS đây là những tình tiết giảm nhẹ khi lượng hình phạt cho bị cáo. Bị cáo là người có sức khỏe và đang trong độ tuổi lao động nhưng không chịu khó làm ăn, kiếm sống một cách lương thiện, chỉ vì ham chơi bời và thích thụ hưởng những vật chất mà không phải do bản thân mình tự tạo ra, để có tiền chi tiêu cho bản thân mà bị cáo đã lén lút trộm cắp tài sản của người khác. Bị cáo là người có nhân thân xấu đã bị cơ quan nhà nước xử lý nhiều lần về hành vi trộm cắp tài sản nhưng không lấy đó làm bài học mà lại tiếp tục trộm cắp thể hiện thái độ coi thường pháp luật. HĐXX xét thấy cần thiết cách ly bị cáo ra khỏi xã hội một thời gian mới có tác dụng giáo dục và răn đe chung.

[4] Về bồi thường thiệt hại: Người bị hại đã nhận lại tài sản do bị cáo trộm cắp, không yêu cầu bị cáo phải bồi thường thêm, nên không xem xét.

[5] Về xử lý vật chứng: Đối với 01 (một) chiếc bì sặc rằn màu đỏ-trắng cũ đã qua sử dụng trên bao bì có in chữ JOLIE1; 03 (ba) đoạn dây cao su màu đen, kích thước dài lần lượt là 41cm, 53cm, 58cm là vật dùng vào việc phạm tội không còn giá trị sử dụng cần tịch thu tiêu hủy. Vật chứng trên đang được lưu trữ tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện T theo biên bản giao nhận vật chứng ngày 07/11/2022 giữa Công an huyện T và Chi cục thi hành án huyện T.

[6] Bị cáo phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Vì những lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Tuyên bố: Bị cáo Trịnh Văn T phạm tội “Trộm cắp tài sản”

Áp dụng: khoản 1 Điều 173; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38 BLHS.

Xử phạt: Bị cáo 08 (tám) tháng tù. Thời gian chấp hành hình phạt tính từ ngày bị tạm giữ, tạm giam (ngày 26/08/2022).

Áp dụng: Điều 47 BLHS; Điều 106 BLTTHS; Điều 136 của BLTTHS năm 2015; khoản 1 Điều 6, điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016.

Về phần dân sự: Người bị hại đã nhận lại tài sản do bị cáo trộm cắp, không yêu cầu bị cáo phải bồi thường thêm, nên không xem xét.

Về vật chứng: Tịch thu tiêu hủy 01 (một) chiếc bì sắc rấn màu đỏ-trắng cũ đã qua sử dụng trên bao bì có in chữ JOLIE1; 03 (ba) đoạn dây cao su màu đen, kích thước dài lần lượt là 41cm, 53cm, 58cm là vật dùng vào việc phạm tội không còn giá trị sử dụng cần tịch thu tiêu hủy. Vật chứng trên đang được lưu trữ tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện T theo biên bản giao nhận vật chứng ngày 07/11/2022 giữa Công an huyện T và Chi cục thi hành án huyện T.

Bị cáo phải chịu 200.000đ (Hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người phải thi hành án dân sự có quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Án xử công khai sơ thẩm có mặt bị cáo, vắng mặt người bị hại. Bị cáo có quyền kháng cáo bản án này trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Người bị hại có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án hoặc ngày niêm yết bản án.

Nơi nhận:

- Bị cáo;
- Người bị hại;
- Người có QL& NV liên quan;
- VKSND huyện T;
- VKSND tỉnh Thanh Hóa;
- Công an huyện T;
- Trại tạm giam CA tỉnh Thanh Hóa;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

Lê Văn Quân